

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

TỪ NGỮ XUNG HÔ TRONG TRUYỆN NGẮN HOÀNG KHÁNH DUY TRẦN THANH VÂN* - MAI PHÚC ĐẶNG**

TÓM TẮT: Hoàng Khánh Duy là một cây bút trẻ thuộc thế hệ 9X, tiêu biểu của văn học Nam Bộ đương đại. Ông được biết đến với phong cách viết giản dị, giàu cảm xúc và gắn bó sâu sắc với đời sống sông nước miền Tây. Truyện ngắn của Hoàng Khánh Duy mang đậm hương vị sông nước và cánh đồng Nam Bộ, tái hiện chân thực những mảnh đời bình dị của người dân đồng bằng Cửu Long qua giọng văn dung dị, giàu tình cảm và đậm chất nhân văn. Các tập truyện ngắn như *Triền sông con nước vui đầy*, *Hoàng hôn màu đỏ*, *Cỏ dại*, *Lung chừng nổi nhớ*, *Đời sông như đời người trên sông* và *Sớm phở chiều quê* không chỉ phản ánh sâu sắc những bi kịch, thân phận con người trong cuộc sống đời thường mà còn thể hiện rõ nét bản sắc ngôn ngữ và văn hóa đặc trưng của vùng đất miền Tây Nam Bộ. Vì vậy, bài viết của chúng tôi đi vào tìm hiểu *Từ ngữ xung hô trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy* qua các nhóm từ: xung hô bằng đại từ nhân xưng, xung hô bằng danh từ thân tộc, xung hô bằng tên riêng, xung hô bằng thứ tự sinh và xung hô bằng từ chỉ chức danh, nghề nghiệp. Nghiên cứu nội dung này giúp chúng tôi thấy được cách lựa chọn từ ngữ xung hô của các nhân vật trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy cũng như sắc thái biểu đạt của các từ ngữ xung hô được sử dụng. Từ đó, bài viết góp phần khẳng định vai trò của từ ngữ xung hô trong việc kiến tạo phong cách ngôn ngữ truyện ngắn Hoàng Khánh Duy, đồng thời nêu bật những nét đặc trưng của ngôn ngữ và văn hóa Nam Bộ.

TỪ KHÓA: Hoàng Khánh Duy; truyện ngắn; nhân vật; hội thoại; từ ngữ xung hô.

NHẬN BÀI: 17/10/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 11/12/2025

1. Mở đầu

Từ ngữ xung hô là những từ ngữ dùng để xưng và hô giữa các nhân vật trong giao tiếp. *Từ điển tiếng Việt* định nghĩa: “*Xưng hô là tự xưng mình và gọi người khác là gì đó khi nói với nhau để biểu thị tính chất mối quan hệ với nhau*” (Hoàng Phê, 2006, tr.1124). Ở bình diện ngữ dụng học, Đỗ Hữu Châu cho rằng: “*Phạm trù xưng hô hay phạm trù ngôi bao gồm những phương tiện chiếu vật nhờ đó người nói tự quy chiếu, tức tự đưa mình vào diễn ngôn (tự xưng) và đưa người giao tiếp với mình (đối xưng) vào diễn ngôn. Như thế phạm trù ngôi thuộc quan hệ vai giao tiếp ngay trong cuộc giao tiếp đang diễn ra với điểm gốc là người nói*” (Đỗ Hữu Châu, 2000, tr.73). Trịnh Cẩm Lan cũng nhấn mạnh: “*Xưng hô là tự xưng mình và gọi người khác là gì đó khi nói với nhau để biểu thị tính chất của mối quan hệ... chức năng của xưng hô là chỉ thị người nói, người nghe trong một cuộc hội thoại*” (Trịnh Cẩm Lan, 2007, tr.343). Còn theo tác giả Nguyễn Văn Khang: “*Xưng hô là thuật ngữ dùng để chỉ việc tự gọi mình (xưng) và gọi người khác (hô) khi giao tiếp*” (Nguyễn Văn Khang, 2014, tr.361). Từ quan niệm đó, Nguyễn Văn Khang xây dựng mô hình 13 kiểu xưng hô trong tiếng Việt bao gồm: (1) Xưng hô bằng tên; (2) bằng họ; (3) bằng họ + tên; (4) bằng tên đệm + tên; (5) bằng họ + tên đệm + tên; (6) bằng đại từ nhân xưng; (7) bằng từ thân tộc; (8) bằng các từ khác được dùng làm từ xưng hô; (9) gọi bằng một trong các chức danh; (10) gọi bằng nhiều hoặc tất cả các chức danh; (11) gọi bằng tên của người thân thuộc (chồng, vợ, con); (12) gọi bằng các kết hợp khác nhau (chức danh + tên, chức danh + họ tên, từ xưng hô + họ + tên/tên) và (13) không xuất hiện các từ xưng hô trong giao tiếp (khuyết vắng từ xưng hô) (Nguyễn Văn Khang, 2014, tr.39-47). Việc phân loại này làm rõ các phương tiện xưng hô chủ yếu trong tiếng Việt, đồng thời chỉ ra vai trò của những nhân tố xã hội như tuổi tác, giới tính, địa vị và mức độ thân - sơ trong việc lựa chọn cách xưng hô. Những cơ sở lý thuyết đó là nền tảng quan trọng để nghiên cứu hệ thống từ ngữ xưng hô trong giao tiếp nói chung và trong lời thoại nhân vật văn học nói riêng.

*TS; Trường Đại học Đồng Tháp; Email: ttvan@dtu.edu.vn

**Giáo viên Trường THPT An Ninh, xã An Ninh, tỉnh Tây Ninh;
Email: mai.phuc.dang.2k00@gmail.com

Hiện nay, vấn đề từ ngữ xưng hô tiếp tục thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, tuy nhiên, việc khảo sát từ ngữ xưng hô trong truyện ngắn của từng tác giả cụ thể vẫn còn bỏ ngỏ. Đối với sáng tác Hoàng Khánh Duy, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên biệt về phương diện này. Tác giả Hoàng Khánh Duy là một cây bút trẻ tiêu biểu của văn học Nam Bộ đương đại. Ông sớm khẳng định tên tuổi với nhiều sáng tác giá trị. Đến năm 2024, ông đã xuất bản sáu tập truyện ngắn gồm *Triền sông con nước vơi đầy* (2017), *Hoàng hôn màu đỏ* (2018a), *Cỏ dại* (2018b), *Lung chừng nổi nhớ* (2018c), *Đời sông như đời người trên sông* (2020) và *Sớm phố chiều quê* (2023) với tổng số 94 truyện ngắn. Truyện ngắn Hoàng Khánh Duy nổi bật bởi giọng kể chân thật, giàu cảm xúc và giản dị nhưng sâu sắc. Đề tài chính trong truyện ngắn của ông xoay quanh cuộc sống thôn quê sông nước với cảnh sắc bình dị và con người Nam Bộ chân chất, được tái hiện sinh động qua ngòi bút đắm thắm, dung dị và gần gũi.

Nghiên cứu *Từ ngữ xưng hô trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy* giúp chúng ta thấy được sự đa dạng của các hệ thống từ ngữ xưng hô được các nhân vật sử dụng linh hoạt và qua đó góp phần tái hiện sinh động quan hệ gia đình, xã hội và sắc thái tâm lý nhân vật. Bên cạnh đó, những cách xưng hô mang sắc thái phương ngữ cũng đã tạo nên phong cách ngôn ngữ riêng, góp phần thể hiện bản sắc văn hóa Nam Bộ trong thế giới truyện ngắn của Hoàng Khánh Duy.

2. Đặc điểm sử dụng từ ngữ xưng hô trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy

Tiến hành thống kê từ ngữ xưng hô được các nhân vật sử dụng trong 94 truyện ngắn thuộc sáu tập truyện ngắn của Hoàng Khánh Duy, chúng tôi nhận thấy các từ ngữ xưng hô xuất hiện thuộc năm nhóm chính: xưng hô bằng đại từ nhân xưng, xưng hô bằng danh từ thân tộc, xưng hô bằng tên riêng, xưng hô bằng thứ tự sinh và xưng hô bằng từ ngữ chỉ chức danh, nghề nghiệp. Kết quả thống kê cụ thể được chúng tôi thể hiện ở bảng sau.

Bảng thống kê tần số xuất hiện các nhóm từ xưng hô trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy

TT	Nhóm từ xưng hô	Tần số xuất hiện	Tỉ lệ %
1	Xưng hô bằng đại từ nhân xưng	5333	41,51
2	Xưng hô bằng danh từ thân tộc	3729	29,02
3	Xưng hô bằng tên riêng	3267	25,43
4	Xưng hô bằng thứ tự sinh	464	3,61
5	Xưng hô bằng từ ngữ chỉ chức danh, nghề nghiệp	55	0,43
Tổng		12.848	100

Kết quả thống kê cho thấy xưng hô bằng đại từ nhân xưng và danh từ thân tộc là hai nhóm từ xưng hô được nhân vật trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy sử dụng nhiều nhất (xưng hô bằng đại từ nhân xưng xuất hiện 5.333 lần, chiếm 41,51% và xưng hô bằng danh từ thân tộc xuất hiện 3.729 lần, chiếm 29,02%). Sở dĩ, xưng hô bằng đại từ nhân xưng xuất hiện nhiều, bởi lẽ hệ thống nhân vật trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy chủ yếu là những con người bình dị, gần gũi, sống trong không gian đời thường nên việc sử dụng đại từ nhân xưng giúp tạo nên sự tự nhiên, chân thực trong lời thoại và khắc họa rõ nét mối quan hệ giữa các nhân vật. Cùng với đó, các nhân vật trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy là những con người trọng tình, trọng nghĩa, coi trọng các mối quan hệ huyết thống và làng xóm nên bên cạnh xưng hô bằng đại từ nhân xưng, họ lựa chọn nhiều danh từ thân tộc để thể hiện sự thân mật, gắn bó và tinh thần cộng đồng đặc trưng của người Nam Bộ. Kết quả thống kê cũng cho thấy, trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy, xưng hô bằng tên riêng xuất hiện với tần số cao 3.267 lần, chiếm 25,43%. Điều này cũng cho thấy việc gọi tên riêng trong giao tiếp của các nhân vật không chỉ thể hiện sự thân mật, bình đẳng mà còn góp phần cá thể hóa nhân vật, giúp người đọc dễ dàng nhận diện từng cá tính và vị thế trong mối quan hệ xã hội. Bên cạnh đó, xưng hô bằng tên riêng còn phản ánh lối sống cởi mở, gần gũi của con người miền Tây Nam Bộ. Hai nhóm từ xưng hô xuất hiện không nhiều trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy là xưng hô bằng thứ tự sinh và xưng hô bằng từ ngữ chỉ chức danh, nghề nghiệp (xưng hô bằng thứ tự sinh xuất hiện 464 lần, chiếm 3,61% và

xưng hô bằng từ ngữ chỉ chức danh, nghề nghiệp xuất hiện 55 lần, chiếm 0,43%). Dù xuất hiện với tỉ lệ không nhiều, nhưng hai nhóm từ này vẫn góp phần làm phong phú hệ thống xưng hô trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy. Chúng phản ánh sắc thái phương ngữ và sự đa dạng trong văn hóa giao tiếp của người Nam Bộ. Sau đây, chúng tôi xin đi vào phân tích cụ thể các tiểu nhóm từ xưng hô.

2.1. Xưng hô bằng đại từ nhân xưng

“Đại từ nhân xưng là những từ dùng để chỉ người hay vật tham gia vào quá trình giao tiếp” (Nguyễn Văn Chiền, 1993, tr.25). Đại từ nhân xưng dùng để chỉ các ngôi giao tiếp gồm ngôi thứ nhất (người nói), ngôi thứ hai (người nghe) và ngôi thứ ba (người được nhắc đến). Trong tiếng Việt, hệ thống đại từ nhân xưng phong phú và linh hoạt, bao gồm cả những đại từ gốc như *tao*, *ta*, *mày*, *nó*, *hắn* và nhiều yếu tố ngôn ngữ khác được dùng thay thế trong những hoàn cảnh giao tiếp khác nhau. Việc lựa chọn đại từ xưng hô phản ánh rõ quan hệ xã hội và thái độ lịch sự giữa người nói và người nghe. Tùy tình huống, người nói có thể dùng đại từ mang sắc thái trang trọng hoặc thân mật, thể hiện quan hệ quyền lực - liên đới giữa các bên giao tiếp. Nói cách khác, đại từ nhân xưng được sử dụng như một công cụ ngôn ngữ để biểu thị mức độ tôn ti, thân sơ. Lựa chọn đại từ phù hợp giúp người nói vừa giữ được phép lịch sự cần thiết, vừa truyền tải được sắc thái cảm xúc mong muốn.

Khảo sát truyện ngắn Hoàng Khánh Duy, chúng tôi thấy tác giả sử dụng hầu hết các đại từ nhân xưng phổ biến trong tiếng Việt. Các đại từ ngôi thứ nhất số ít như *tôi*, *tao*, *tớ*, *mình*, *tui* ngôi thứ nhất số nhiều như *chúng tôi*, *chúng tao*, *chúng mình* (hoặc *tụi mình* cách nói phương ngữ Nam Bộ), *chúng ta*; ngôi thứ hai như *mày*, *chúng mày*, *bay/ bầy* (biến thể phương ngữ Nam Bộ của *bay*, nghĩa là “bọn mày”), *cậu* và ngôi thứ ba như *nó*, *hắn*, *chúng nó*... Trong đó, các đại từ ngôi thứ nhất như *tôi/tui* và *mình* được sử dụng nhiều nhất. Chẳng hạn, nhân vật Dung trong truyện *Bức tường mọc giữa dòng sông* đã dùng đại từ *tôi* khi nói với người yêu cũ:

(1) “*Nhớ? Có còn nghĩa lí gì đâu. Giờ anh đã có vợ. Tôi có cuộc sống của riêng tôi. Chúng ta đừng dính dáng gì đến nhau nữa. Đó là cách tốt nhất, anh à!*”

[Trích *Bức tường mọc giữa dòng sông*, 6, tr.112]

Trong tình huống trên, Tâm (người yêu cũ của Dung) cố níu kéo nhưng Dung chủ động xưng *tôi* với anh thay vì *em*. Việc Dung xưng *tôi* cho thấy cô duy trì khoảng cách nhất định, tôn trọng cuộc sống riêng của cả hai, đồng thời tỏ rõ sự dứt khoát chấm dứt mối quan hệ.

Ngược lại, ở truyện *Bến nhớ*, cặp vợ chồng già lại xưng hô thân mật bằng biến thể địa phương *tui* và gọi nhau là *mình*:

(2) “– *Tui* thấy không ổn chút nào, *mình* à. Ngày xưa, vất vả lắm mới mua nổi mảnh đất cắm dùi, đâu phải nói bỏ là bỏ được, đất *mình* *mình* ở, có ở đâu mà tốt bằng quê *mình* chứ?”

[Trích *Bến nhớ*, 1, tr.24]

Câu thoại này xuất hiện trong tình huống người chồng bày tỏ ý kiến khi vợ muốn rời bỏ quê, do đó việc xưng *tui* thể hiện thái độ chân thành và thân mật. Nhân vật chồng (Nhự) xưng *tui* và gọi vợ là *mình*, một cách xưng hô thân thương và mộc mạc. Cách xưng hô *tui* - *mình* thể hiện sự gần gũi, đong đầy tình cảm và bình đẳng giữa hai vợ chồng. Đại từ *mình* còn được người vợ dùng để gọi chồng đầy trìu mến:

(3) “*Trời ơi, mình, mình* về rồi đó hả. Em đợi từ nãy tới giờ đây nè!”

[Trích *Chùng nào sông cạn đá mòn?*, 2, tr.45]

Ở đây *mình* đóng vai trò đại từ ngôi thứ hai số ít, một lối xưng hô vợ chồng thân mật truyền thống của người Việt, thể hiện phép lịch sự, đề cao sự thân thiết và thắt chặt tình cảm giữa hai người.

Bên cạnh lối đại từ mang sắc thái trung tính hoặc thân mật nói trên, Hoàng Khánh Duy cũng không né tránh việc khắc họa những tình huống giao tiếp suồng sã, thậm chí thô mộc thông qua cặp đại từ *tao* – *mày*. Ví dụ, trong truyện *Làng bè*, một nhân vật lớn tuổi nói với chàng trai trẻ:

(4) “*Mày* kêu tao bằng ba, chừng nữa *mày* phải cưới con gái *tao* đó nghe Hào.”

[Trích *Làng bè*, 5, tr.60]

Cách xưng *tao* - *mày* cho thấy nhân vật người cha (Ba Muông) đặt mình ở vị thế bề trên và coi chàng trai trẻ như bậc con cháu trong nhà. Đây là lối xưng hô thân mật suồng sã thường thấy giữa

người lớn tuổi với người nhỏ tuổi hơn ở nông thôn. Ba Muông dùng *tao - mày* nhằm khẳng định uy quyền của bậc cha chú, đồng thời tạo cảm giác gần gũi, xem đôi phương như con trong nhà. Mặc dù *tao - mày* về mặt thông thường bị xem là thô tục hoặc thiếu lịch sự, trong ngữ cảnh cụ thể này nó lại truyền tải sự thân tình mộc mạc của người Nam Bộ, phù hợp với tính cách nhân vật và quan hệ thân thuộc giữa họ. Qua đó, tác giả vừa phản ánh tính chân thật trong lời ăn tiếng nói đời thường, vừa cho thấy sự linh hoạt trong việc sử dụng đại từ nhân xưng để khắc họa tính cách nhân vật.

Việc Hoàng Khánh Duy vận dụng đa dạng hệ thống đại từ nhân xưng đã góp phần tái hiện chân thực giọng điệu nhân vật và các tầng quan hệ xã hội. Các đại từ được lựa chọn khéo léo để hoặc duy trì lễ độ, khoảng cách hoặc tạo sự thân mật, gắn kết theo từng hoàn cảnh. Nhìn chung, lớp đại từ nhân xưng trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy đã làm rõ sắc thái quyền uy hay thân sơ trong giao tiếp giữa các nhân vật.

2.2. Xưng hô bằng danh từ thân tộc

Danh từ chỉ quan hệ thân tộc trong tiếng Việt là những từ chỉ người trong gia đình, họ hàng, có quan hệ huyết thống nội, ngoại, xa gần với nhau. Theo *Từ điển tiếng Việt*, thân tộc được định nghĩa là “*những người bà con trong cùng một dòng họ*” [Hoàng Phê, 2006, tr.1124]. Nói cách khác, từ thân tộc gồm các danh từ chỉ người trong gia tộc, họ hàng thân thuộc ở nhiều thế hệ và nhiều cấp bậc khác nhau (trên - dưới, nội - ngoại, cùng huyết thống hoặc có quan hệ hôn nhân). Trong giao tiếp tiếng Việt, hệ thống danh từ thân tộc không chỉ dùng để gọi người thân trong gia đình, mà còn được sử dụng linh hoạt để xưng hô với người ngoài như một cách “gia đình hóa” quan hệ giao tiếp nhằm thể hiện sự thân mật. Việc xưng hô bằng danh từ thân tộc thường gắn liền với chiến lược lịch sự, bởi người nói coi đôi phương “như người nhà” để tạo bầu không khí gần gũi, gắn kết tình cảm.

Kết quả thống kê cho thấy danh từ thân tộc là nhóm từ xưng hô được Hoàng Khánh Duy sử dụng nhiều thứ hai. Tác giả đã vận dụng rất phong phú hệ thống từ thân tộc, trải rộng trên nhiều vai vế và thế hệ: *anh, chị, em, con, cháu* (các quan hệ ngang hàng và dưới); *cô, dì, chú, bác, ông, bà* (các quan hệ bề trên); cùng với những từ mang sắc thái địa phương Nam Bộ như *ba, má*, bên cạnh từ phổ thông *bố, mẹ*. Chẳng hạn, trong truyện *Phố chiều rực rỡ*, cuộc đối thoại giữa một người lớn tuổi và một thanh niên đã sử dụng cặp từ thân tộc *bác - cháu* đầy lễ độ:

(5) “- Hồi đó bác cũng có đứa con, trạc tuổi cháu. Chỉ tiếc là bây giờ nó không còn ở bên bác nữa... - Thế con bác đi đâu, hã bác?” [Trích *Phố chiều rực rỡ*, 3, tr.190]

Ở đây, hai người xa lạ nhưng xưng hô *bác - cháu* như người thân, cho thấy người trẻ tôn trọng người già đồng thời thiết lập quan hệ gần gũi thay vì khoảng cách xã giao. Cách xưng hô này đề cao sự lễ phép và hòa nhã, đúng với quy tắc ứng xử của người Việt.

Điểm nổi bật trong lời thoại của Hoàng Khánh Duy là nhiều từ thân tộc mang sắc thái địa phương Nam Bộ. Ví dụ, nhân vật thường gọi cha mẹ là *ba, má* thay vì *bố, mẹ* như ở miền Bắc. Trong truyện *Chuyến trở về không tên*, khi Thương bắt ngò trở về, cô gọi mẹ mình:

(6) “- Má không nhận ra con sao? Con Thương nè, Thương của má về với má rồi nè.” Người mẹ sau phút bàng hoàng liền vỡ òa: “Trời ơi con Thương... Má mừng quá.”

[Trích *Chuyến trở về không tên*, 1, tr.91-92]

Cách xưng hô *má - con* đậm chất Nam Bộ này không chỉ thể hiện tình cảm ruột thịt thiêng liêng, mà còn góp phần tái hiện chân thực ngôn ngữ và đời sống vùng sông nước Cửu Long. Việc ưu tiên dùng các từ địa phương như *má* (mẹ), *ba* (bố) đã tô đậm sắc thái phương ngữ, khiến lời thoại nhân vật thêm phần sinh động, chân thực.

Đặc biệt, Hoàng Khánh Duy thường kết hợp từ thân tộc với tên riêng hoặc biệt danh để tạo nên những cách gọi rất đặc trưng của văn hóa Nam Bộ. Chẳng hạn, nhân vật có biệt danh “Gù” thường được gọi thân mật là *anh Gù*, một nhân vật nam thứ tư trong gia đình có thể được gọi là *chú Hai* (tức người chú tên Hai), cô gái tên Hường, con của *má con Hường*, được nhắc đến là *má con Hường* và phổ biến trong lời thoại là cách gọi người út trong nhà bằng từ *Út* kèm theo quan hệ: *thằng Út, con Út, ...*

(7) “*Thôi chú vào đây, má con Hường nướng khô tui với chú làm xị để cho ấm bụng.*”

[Trích *Mưa chiều châu thổ*, 5, tr.28]

Câu thoại này lồng ghép nhiều tầng xưng hô: người nói xưng *tui* (tôi) mộc mạc, gọi người đối thoại là *chú* (vai dưới của cha mẹ) và đồng thời gọi vợ mình bằng cụm *má con Hường* (má của con Hường), một cách nói rất Nam Bộ khi đề cập đến một người phụ nữ thông qua tên con của họ. Cách sử dụng từ thân tộc linh hoạt như vậy vừa giúp phân biệt, định danh nhân vật trong các mối quan hệ, vừa thể hiện rõ vai vế và tình cảm giữa họ một cách tự nhiên. Có thể nói, Hoàng Khánh Duy đã kế thừa truyền thống văn học Nam Bộ ở việc xây dựng lời thoại “gia đình hóa”, qua đó mọi nhân vật trong truyện dù xa lạ cũng có xu hướng xưng hô với nhau như người một nhà. Lối xưng hô bằng danh từ thân tộc nhấn mạnh tính thân cộng đồng gắn bó và phép lịch sự đặc trưng: coi trọng yếu tố tình cảm, thân tình trong giao tiếp.

Nhóm từ xưng hô thân tộc trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy thể hiện rõ đặc trưng văn hóa giao tiếp “như người nhà” của người Việt, đặc biệt là người Nam Bộ. Việc sử dụng dày đặc các từ thân tộc cho thấy nhân vật của Hoàng Khánh Duy luôn hướng đến sự thân mật, gần gũi, lấy tình cảm làm trọng. Đồng thời, cách xưng hô này cũng phản ánh các quan hệ tôn ti trật tự trong xã hội, qua đó làm bật lên cả yếu tố quyền lực (thứ bậc tuổi tác, vai vế) lẫn liên đới (thân tình gắn bó) trong thế giới nhân vật. Nhìn chung, xưng hô bằng danh từ thân tộc đã góp phần quan trọng vào việc khắc họa tính cách và quan hệ giữa các nhân vật.

2.3. Xưng hô bằng tên riêng

Xưng hô bằng tên riêng tức là gọi trực tiếp tên của người đối thoại (tên gọi cá nhân hoặc tên thân mật). Trong văn hóa giao tiếp tiếng Việt, việc gọi thẳng tên riêng thường hàm ý quan hệ gần gũi, ngang hàng hoặc người nói lớn tuổi hơn người nghe. Khác với tiếng Anh nơi tên riêng được dùng phổ biến cho mọi quan hệ, tiếng Việt hạn chế gọi trực tiếp tên của người bề trên hoặc người mới quen để tránh thiếu lễ độ. Thông thường, tên riêng được dùng để xưng hô giữa bạn bè, đồng nghiệp, người thân ngang hàng, hoặc người lớn tuổi gọi người nhỏ tuổi hơn. Đôi khi tên riêng được kèm theo tình thái từ gọi đáp *ơi* khi gọi để thể hiện sự thân mật hoặc để nhấn mạnh hành vi gọi. Ngoài ra, tên riêng có thể kết hợp với từ thân tộc hoặc chức danh để vừa xác định rõ đối tượng, vừa biểu thị sắc thái tôn trọng hoặc thân tình. Do đó, xưng hô bằng tên riêng là một phương tiện quan trọng để xác lập và biểu hiện quan hệ xã hội trong hội thoại. Điều này giúp định danh trực tiếp nhân vật, đồng thời, tùy cách dùng, có thể truyền tải thái độ kính trọng hoặc thân mật.

Trong 94 truyện ngắn của Hoàng Khánh Duy, nhóm từ xưng hô bằng tên riêng được tác giả đã sử dụng một cách linh hoạt, có khi đứng độc lập, có khi đi kèm với từ xưng hô khác, nhằm thể hiện đúng sắc thái quan hệ giữa các nhân vật. Đáng chú ý, nhiều trường hợp nhân vật gọi nhau bằng tên riêng một cách trực tiếp để thể hiện quan hệ thân mật, gần gũi. Chẳng hạn, trong truyện *Chuyến đò sông Trẹm*, một nhân vật trấn an người yêu:

(8) “*Tui biết rồi. Mà... lỡ đò có chìm thì tui cứu Xoàn chứ có bỏ Xoàn đâu mà sợ!*”

[Trích *Chuyến đò sông Trẹm*, 5, tr.124]

Lời thoại này cho thấy người nói xưng *tui* và gọi cô gái là *Xoàn* để khẳng định tình cảm gắn bó, sẵn sàng lo lắng cho cô. Việc gọi tên *Xoàn* nhiều lần như vậy là cách chàng trai thổ lộ tình cảm thân mật, sự quan tâm, lo lắng và cũng để xoa tan lo lắng của đối phương. Tương tự, trong truyện *Những vì sao đi lạc*, nhân vật nam chính khẩn thiết gọi tên người yêu:

(9) “*Hạ ơi, anh phải làm sao?*” [Trích *Những vì sao đi lạc*, 3, tr.102]

Tiếng gọi *Hạ ơi* vang lên cho thấy sự lo lắng và cần sự hồi đáp. Tình thái từ *ơi* gắn với tên riêng *Hạ* vừa thể hiện tình cảm thân thương, vừa nhấn mạnh tính khẩn thiết của lời gọi. Việc xưng *anh* và gọi *Hạ ơi* cho thấy giữa hai nhân vật có quan hệ tình cảm gần gũi (anh - em người yêu), người nam ở vai trên (xưng *anh*) nhưng vẫn gọi tên người nữ một cách âu yếm. Trong bối cảnh khác, tên riêng có thể được dùng kèm với đại từ hoặc danh từ vừa gọi tên, vừa giữ lễ độ. Ví dụ trong truyện *Anh - tôi và Hoài Hương*, có câu thoại:

(10) “Để gọi cô Hoài Hương về ở cùng. Chúng ta sẽ sống với nhau trong một căn nhà, tuy nhỏ nhưng ấm cúng. Con đã lớn, ba, mẹ và cô Hoài Hương cũng đã có tuổi rồi, chắc không ai chấp nhất chuyện năm xưa ... Phải không mẹ?”. [Trích *Anh - tôi và Hoài Hương*, 6, tr.82]

Nhân vật ở đây vừa gọi thẳng tên Hoài Hương, vừa dùng từ cô trong vị thế của người nhỏ tuổi bày tỏ ý kiến một cách lễ phép. Cách kết hợp giữa tên riêng và danh từ thân tộc cô giúp xác định rõ đối tượng được nói tới (Hoài Hương), đồng thời duy trì sắc thái trang trọng, thể hiện sự tôn trọng, yêu thương xen lẫn tiếc nuối của nhân vật trong hoàn cảnh chia ly.

Nhìn chung, tên riêng trong hội thoại giữa các nhân vật ở truyện ngắn Hoàng Khánh Duy được sử dụng với chức năng biểu hiện tình cảm và khắc họa quan hệ giữa các cá nhân. Việc dùng tên riêng giúp nhân vật bộc lộ cảm xúc tự nhiên, làm nổi bật mức độ thân mật, đồng thời tạo ra sắc thái đặc trưng cho từng hoàn cảnh giao tiếp. Tên riêng có thể đứng độc lập, đi kèm từ tình thái hoặc từ thân tộc để xác định vai vế giữa các nhân vật, phù hợp với bối cảnh đời sống miền Nam mà Hoàng Khánh Duy tái hiện. Mặc dù tần suất sử dụng không cao, song cách xưng hô này mang lại hiệu quả biểu cảm rõ rệt, góp phần thể hiện tính chân thật, mộc mạc trong giao tiếp đời thường của người Nam Bộ.

2.4. Xưng hô bằng thứ tự sinh

Xưng hô bằng thứ tự sinh là cách gọi người thân trong gia đình bằng thứ tự sinh ra của họ trong nhà. Cách xưng hô này thường được dùng phổ biến ở địa phương Nam Bộ. Ở Nam Bộ, người con đầu lòng (con cả) không gọi là “anh Cả/ chị Cả” như ngoài Bắc, mà gọi là anh Hai/ chị Hai, tiếp theo là Ba, Tư, Năm... và người con cuối thường gọi là Út. Cách gọi theo thứ bậc này xuất phát từ truyền thống đặt tên thứ (tên gọi theo số thứ tự) nhằm phân biệt vai vế con cái trong gia đình. Trong giao tiếp, những từ thứ bậc như Hai, Ba, Tư, Út... trở thành danh xưng thân mật giữa các thành viên gia đình hoặc họ hàng, thậm chí có thể dùng làm biệt danh cho người trong xóm làng (ví dụ gọi một người là anh Hai có thể hiểu là anh cả trong nhà). Xưng hô bằng thứ tự sinh thực chất là một biến thể đặc thù của xưng hô thân tộc, nhấn mạnh thứ bậc tôn ti trong gia đình đồng thời tạo cảm giác gần gũi, dân dã. Những từ ngữ xưng hô này chủ yếu được dùng ở ngôi thứ hai hoặc ngôi thứ ba, còn người tự xưng thường không tự gọi mình bằng thứ bậc mà xưng anh, em hoặc dùng đại từ khác.

Trong thể giới nhân vật của Hoàng Khánh Duy, xưng hô theo thứ tự sinh tuy xuất hiện không nhiều nhưng lại thể hiện rõ sắc thái phương ngữ Nam Bộ. Nhiều nhân vật trong truyện gọi anh chị em hoặc họ hàng bằng anh Hai, chị Hai, anh Tư, Út... một cách tự nhiên. Chẳng hạn, trong truyện *Biệt xứ*, có lời thoại:

(11) “Anh với chị Hai không trách chú thím đâu...” [Trích *Biệt xứ*, 1, tr.81]

Câu nói này cho thấy nhân vật người anh đang nói chuyện với vợ chồng người em (“chú thím”) và tự xưng là anh (người anh thứ hai trong nhà) và gọi vợ của mình là chị Hai. Gọi chị Hai ở đây xác định người chị là vợ của anh và anh là đứa con đầu lòng trong gia đình, đồng thời thể hiện sự tình tế trong giao tiếp gia đình. Tương tự, trong truyện *Người về bên sông*, nhân vật xưng em và gọi anh của mình là anh Tư khi cầu cứu:

(12) “Anh Tư ơi, chiếc ghe của em hư sập rồi, đình bị lỏng chân, lườn bị nứt. Anh Tư kéo lên sửa lại giúp em với.” [Trích *Người về bên sông*, 6, tr.85]

Việc dùng anh Tư kèm theo từ tình thái ơi vừa cho thấy mối quan hệ ruột thịt gần gũi (anh em trong nhà), vừa hàm chứa sự kính trọng và tin cậy vào vai trò người anh trong hoàn cảnh khó khăn. Một ví dụ khác, truyện *Chuyến đò sông không muộn* có đoạn đối thoại:

(13) “Út ngoan! Ở nhà hủ hỉ với cha cho đỡ buồn, chừng nữa anh Hai về nhất định sẽ mua quà cho Út.” [Trích *Chuyến đò sông không muộn*, 5, tr.94]

Ở đây người anh Hai gọi cô em gái út bằng tên thứ Út một cách âu yếm, đồng thời trấn an em rằng lát nữa anh Hai (người anh cả của cô bé) về sẽ ghé thăm. Cách xưng hô này thể hiện rõ thứ bậc: người anh nói chuyện với em út nên xưng anh Hai, gọi em là Út để phân biệt vai vế.

Mặc dù xưng hô bằng thứ tự sinh chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng thể hệ thống từ xưng hô của tác phẩm, nhưng nó góp phần quan trọng tạo nên màu sắc địa phương trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy. Những cách gọi anh Hai, chị Hai, anh Tư, Út... vang lên đã gợi nhắc không khí gia đình

thân thuộc của làng quê Nam Bộ. Đồng thời, chúng nhấn mạnh sự coi trọng trật tự gia đình trong văn hóa Việt: người bề trên, sinh trước được kính trọng qua chính danh xưng hàng thứ tự của họ. Có thể xem đây cũng là một hình thức lịch sự trong giao tiếp gia đình người dưới lễ phép gọi người trên bằng vai vế (thay vì tên riêng), người trên thương mến gọi người dưới bằng thứ bậc kèm lời triu mến. Tất cả làm toát lên vẻ đẹp giản dị trong cách xưng hô của người dân miền sông nước.

2.5. Xưng hô bằng từ ngữ chỉ chức danh, nghề nghiệp

Xưng hô bằng từ ngữ chỉ chức danh, nghề nghiệp được dùng khi người nói muốn nhấn mạnh vị thế xã hội hoặc quan hệ công việc của đối phương, thể hiện sự tôn trọng đối với đối tượng giao tiếp. Theo Nguyễn Văn Chiên, trong tiếng Việt ngoài đại từ gốc, nhiều lớp từ khác cũng chuyên làm từ xưng hô, trong đó có “...các từ chỉ học vị, học hàm, tước hiệu..., các từ chỉ chức danh, nghề nghiệp...” (Nguyễn Văn Chiên, 1993b, tr.8). Tuy nhiên, khác với đại từ hay danh từ thân tộc có thể dùng cho cả ngôi thứ nhất và thứ hai, các từ ngữ chỉ chức danh chỉ dùng để hô gọi ngôi thứ hai, hiếm khi được dùng làm ngôi thứ nhất tự xưng. Nói cách khác, một người thường không tự gọi mình là *giám đốc* hay *bác sĩ* trong đối thoại, mà những từ này chỉ được dùng bởi người khác khi nói chuyện trực tiếp với người mang chức vụ đó (hoặc nhắc đến họ ở ngôi thứ ba). Việc xưng hô bằng từ ngữ chỉ chức danh, nghề nghiệp thường thể hiện phép lịch sự, vì người nói lựa chọn cách gọi đề cao vai vế, chức trách của người nghe, qua đó duy trì khoảng cách xã giao và sự trang trọng cần thiết trong giao tiếp.

Trong ngữ liệu khảo sát, xưng hô bằng từ ngữ chỉ chức danh, nghề nghiệp xuất hiện rất ít, bởi bối cảnh truyện ngắn của Hoàng Khánh Duy hầu hết xoay quanh đời thường thôn dã, nơi quan hệ thân tộc và bạn bè chiếm ưu thế hơn quan hệ hành chính hay công việc. Dù vậy, các từ ngữ chỉ chức danh, nghề nghiệp xuất hiện trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy cũng là một nét riêng. Chẳng hạn, trong truyện *Bỏ phố*, nhân vật người nhân viên đã nhiều lần gọi cấp trên của mình là *sếp*:

(14) “- *Sếp*, em xin lỗi, nhưng em phải về quê. “*Trải nghiệm thành phố*” như vậy với em cũng đã quá đủ rồi. *Sếp* hiểu cho em. *Quê hương* luôn là nơi mà bất kì ai cũng mong muốn được trở về, phải không *sếp*.” [Trích *Bỏ phố*, 6, tr.164]

Từ *sếp* ở đây là từ để chỉ người quản lí/ cấp trên, được người nhân viên dùng làm đại từ xưng hô trực tiếp với ông chủ. Việc xưng hô *sếp* - em cho thấy quan hệ thứ bậc rõ ràng trong môi trường công sở: người nói tự nhận vai dưới em và gọi đối phương bằng chức vụ *sếp*. Qua đó thể hiện sự kính trọng cũng như tính chất công việc trong cuộc đối thoại. Lựa chọn từ *sếp* (thay vì tên riêng hay đại từ) hàm ý duy trì khoảng cách giữa hai bên, một biểu hiện của lịch sự, nhấn mạnh sự tôn trọng quyền uy của cấp trên. Tương tự, trong truyện *Nhen lửa lòng*, khi nhắc đến một vị tu hành, nhân vật đã dùng chức danh *su thầy*:

(15) “- *Chị* nói rồi, mỗi người đàn bà đều có cái số. *Su thầy* nói đúng: *Đàn bà xứ sông nước này khổ dữ, nặng tình cũng dữ!*” [Trích *Nhen lửa lòng*, 6, tr.22]

Ở đây, *su thầy* không phải cách xưng hô trực tiếp giữa hai người, mà là cách gọi gián tiếp nhắc đến vị thầy tu (nhà sư) với hàm ý tôn kính. Danh xưng *su thầy* kết hợp hai yếu tố: *su* (nhà sư, chỉ người tu hành) và *thầy* (bậc thầy, người có vai vế được kính trọng), cho thấy người nói rất mực đề cao lời dạy của nhà sư. Mặc dù không đối thoại trực tiếp với nhà sư, nhân vật vẫn dùng chức danh tôn xưng khi nhắc lời ông, thể hiện rõ thái độ cung kính. Chi tiết nhỏ này cho thấy tính cẩn trọng trong ngôn ngữ nhân vật của Hoàng Khánh Duy: ở những ngữ cảnh trang nghiêm hoặc cần giữ lễ, tác giả đã chọn từ xưng hô phù hợp với văn hóa kính trên nhường dưới của người Việt.

Tóm lại, từ ngữ chỉ chức danh, nghề nghiệp xuất hiện trong truyện Hoàng Khánh Duy tuy hiếm hoi nhưng đều rất đắt giá, nhằm phục vụ cho những tình huống giao tiếp đặc biệt. Những cách xưng hô như trên đã góp phần làm cho hội thoại của nhân vật trở nên đa dạng, không chỉ có thân mật suồng sã mà còn có cả nghi thức, trang trọng khi cần thiết. Qua đó, chúng ta thấy trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy ngay cả ở môi trường bình dị của thôn quê, con người vẫn ý thức phân biệt các mối quan hệ xã hội khác nhau và lựa chọn cách xưng hô phù hợp. Việc sử dụng linh hoạt các từ ngữ chỉ chức

danh, nghề nghiệp giúp lời thoại nhân vật giữ được tính chân thực, đồng thời phản ánh những giá trị văn hóa như sự tôn trọng dành cho người trên, người có địa vị.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu khẳng định hệ thống từ ngữ xưng hô trong truyện ngắn Hoàng Khánh Duy đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bộc lộ sâu sắc các mối quan hệ xã hội giữa các nhân vật và phản ánh một cách sinh động một số đặc trưng văn hóa miền Tây Nam Bộ. Bằng việc lựa chọn và sử dụng linh hoạt hệ thống từ ngữ xưng hô phù hợp với từng ngữ cảnh giao tiếp, tác giả Hoàng Khánh Duy không chỉ phản ánh tính phong phú, đa dạng trong giao tiếp ngôn ngữ của người Nam Bộ mà còn thể hiện hiệu quả nghệ thuật đặc sắc trong ngôn ngữ truyện ngắn của mình. Việc sử dụng hệ thống từ ngữ xưng hô một cách sáng tạo và hiệu quả cũng đã góp phần tạo nên chiều sâu cho nhân vật, tái hiện chân thực các mối quan hệ xã hội cũng như bối cảnh văn hóa địa phương, đồng thời khẳng định rõ nét tài năng sử dụng ngôn ngữ của tác giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Khang (2014), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Nguyễn Văn Khang (2014), “Giao tiếp xưng hô tiếng Việt bằng từ thân tộc và việc sử dụng chúng trong giao tiếp công quyền”, *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống*, số 10, tr.39-47.
3. Hoàng Phê (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
4. Nguyễn Văn Chiền (1993), *Từ xưng hô trong tiếng Việt - Việt Nam, những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa*, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.
5. Nguyễn Văn Chiền (1993b), “Từ xưng hô trong tiếng Việt (nghiên cứu ngữ dụng học và dân tộc học giao tiếp)”, *Tạp chí Khoa học Đại học Tổng hợp Hà Nội*, tr.8-13.
6. Đỗ Hữu Châu (2000), *Đại cương Ngôn ngữ học*, tập 2, Nxb Giáo dục.
7. Trịnh Cẩm Lan (2007), *Sự biến đổi ngôn từ của các cộng đồng chuyển cư đến Thủ đô (Nghiên cứu trường hợp cộng đồng Nghệ Tĩnh ở Hà Nội)*, Nxb Khoa học xã hội.
8. Đoàn Thị Tâm (2011), “Từ nguồn gốc gia đình của F. Enghen, tìm hiểu về từ thân tộc trong tiếng Ê-đê”, *Tạp chí khoa học Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh*, tr.69-76.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

1. Hoàng Khánh Duy (2017), *Triển sông con nước vơi đầy*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ.
2. Hoàng Khánh Duy (2018a), *Hoàng hôn màu đỏ*, Nxb Văn học.
3. Hoàng Khánh Duy (2018b), *Cỏ dại*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
4. Hoàng Khánh Duy (2018c), *Lung chừng nổi nhớ*, Nxb Lao động.
5. Hoàng Khánh Duy (2020), *Đời sông như đời người trên sông*, Nxb Dân trí.
6. Hoàng Khánh Duy (2023), *Sớm phố chiều quê*, Nxb Dân trí.

Address terms in Hoàng Khánh Duy's short stories

Abstract: Hoàng Khánh Duy, a representative writer of Vietnam's 9X generation, stands out in contemporary Southern literature for his simple yet emotionally rich style that reflects the everyday life of riverine communities in the Mekong Delta. His short stories vividly evoke the landscape and people of the South through a plain, sincere, and humanistic narrative voice. Collections such as *Triển sông con nước vơi đầy* (The River's Changing Tides), *Hoàng hôn màu đỏ* (Red Sunset), *Cỏ dại* (Wild Grass), *Lung chừng nổi nhớ* (In the Middle of Nostalgia), *Đời sông như đời người trên sông* (River Life, Human Life), and *Sớm phố chiều quê* (Morning in Town, Evening in the Countryside) not only depict the struggles and destinies of ordinary people but also embody the linguistic and cultural characteristics of the Southwestern region. This study investigates address terms in Hoàng Khánh Duy's short stories, focusing on five main categories: personal pronouns, kinship terms, personal names, birth-order terms, and occupational or professional titles. The findings clarify how address terms are used to convey interpersonal relationships and emotional nuances, thereby shaping the author's linguistic style and highlighting distinctive features of Southern Vietnamese language and culture.

Key words: Hoàng Khánh Duy; short stories; character; dialogue; address terms.